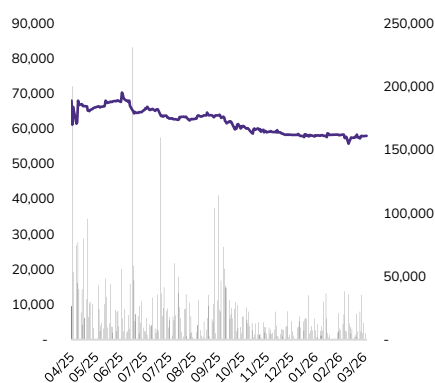


Kiều Thị Thanh Thu

 Email: thu.kieuthithanh@abs.vn
THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành : Thực phẩm
 Ngày báo cáo : 31/03/2026
 Giá hiện tại (VND/CP) : 161.200
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 1.578
 SLCPLH (CP) : 9.794.945

DIỄN BIẾN GIÁ


Nguồn: Fiinpro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	71,1%	-22,5%
Tăng trưởng LNST (%)	50,0%	-11,7%
Biên LNG (%)	33,7%	33,6%
Biên LNST (%)	32,6%	37,1%
ROA (%)	33,52%	20,60%
ROE (%)	38,07%	21,88%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,00	0,00
EPS (VND/CP)	10.700	9.450
BVPS (VND/CP)	176.422	178.286

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Kỳ vọng giá đường phục hồi

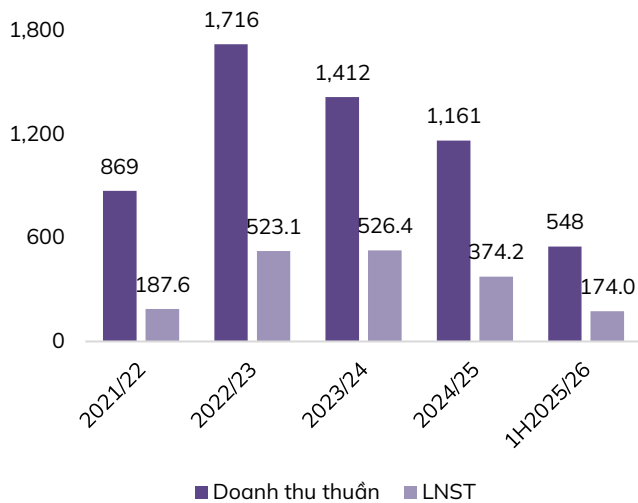
- KQKD Q2 niên vụ 2025/26 sụt giảm mạnh trong bối cảnh giá đường chạm đáy 4 năm.**
 - Doanh thu thuần Q2 đạt 249 tỷ đồng, giảm mạnh 22,5% svck do nguồn cung đường lớn, nhu cầu lại có dấu hiệu suy giảm khiến giá và sản lượng bán cùng giảm. Giá đường thế giới giảm xuống mức 14,1 USD/Lbs (khoảng 311 USD/tấn), thấp hơn 54,3% svck.
 - Tuy nhiên, biên LNG của SLS lại chỉ giảm nhẹ 0,1 điểm % svck xuống 33,6%; lợi nhuận gộp ghi nhận 83,9 tỷ đồng (-22,5% svck). Chi phí BH&QLDN được tiết giảm ở mức rất thấp. Tổng chi phí BH&QLDN trong quý 2 chỉ ở mức 1,8 tỷ đồng (-82,6% svck). Trong kỳ SLS không duy trì nợ vay, chi phí tài chính và chi phí lãi vay giảm về 0 (cùng kỳ ghi nhận 0,25 tỷ đồng; đồng thời doanh thu tài chính tăng 51,3% svck lên 10,5 tỷ đồng. Kết quả, LNST ghi nhận 92,5 tỷ đồng (-11,7% svck).
- KQKD nửa đầu niên vụ 2025/26: doanh thu tăng nhưng lợi nhuận suy giảm do giá đường ở mức thấp.**
 - Doanh thu thuần đạt 548,2 tỷ đồng (+9,6% svck). Trong đó, doanh thu mảng đường, mật rỉ, bã bùn và bã mía đạt 547,3 tỷ đồng (+12,7% svck); doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu và mía giống giảm mạnh 93,3% svck xuống còn 0,94 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận gộp đạt 160,7 tỷ đồng (-14,7% svck). Biên LNG giảm sâu 8,4 điểm % svck xuống còn 29,3% theo biến động bất lợi của giá đường.
 - Chi phí BH&QLDN được tiết giảm, chỉ còn 7,5 tỷ đồng (-42,8% svck). Trong đó, chi phí nhân viên giảm mạnh 38% svck xuống còn 6 tỷ đồng, toàn bộ là chi phí nhân viên quản lý. SLS không còn ghi nhận chi phí nhân viên bán hàng kể từ nửa cuối niên vụ 2023/24.
 - Doanh thu hoạt động tài chính ghi nhận 22,6 tỷ đồng (+72% svck). Phần lớn doanh thu tài chính là lãi bán hàng trả chậm, ghi nhận 22,2 tỷ đồng trong nửa đầu niên vụ 2025/26 (+88% svck). Ngược lại, lãi tiền gửi giảm 57,1% svck xuống còn 0,4 tỷ đồng.
 - Kết quả, LNST nửa đầu niên vụ 2025/26 đạt 174 tỷ đồng (-7,7% svck). Theo đó, SLS đã hoàn thành 61,4% kế hoạch doanh thu và vượt 58,8% kế hoạch lợi nhuận đặt ra cho niên vụ 2025/26.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA SLS Q4/2025 & NĂM 2025

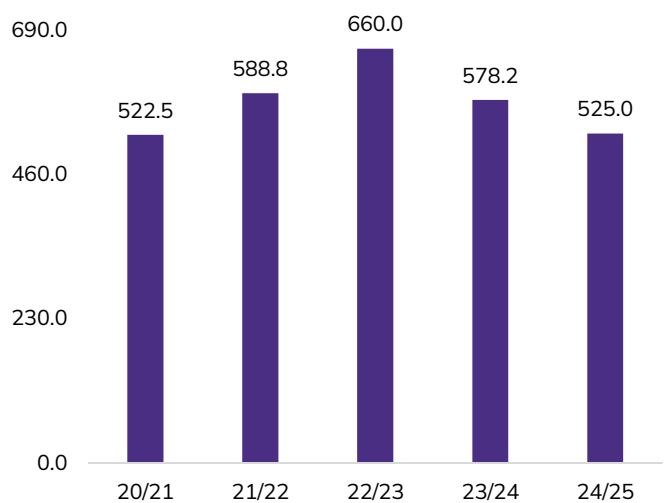
BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	2Q24/25	2Q25/26	%YoY	1H24/25	1H25/26	%YoY
Doanh thu thuần	321	249	-22,5%	500	548	9,6%
Lợi nhuận gộp	108,2	83,9	-22,5%	188,4	160,7	-14,7%
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	33,7%	33,6%		37,7%	29,3%	
Chi phí BH & QLDN	-10,6	-1,8	-82,6%	-13,1	-7,5	-42,8%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	3,3%	0,7%		2,6%	1,4%	
Doanh thu tài chính	7,0	10,5	51,3%	13,2	22,6	72,0%
Chi phí tài chính	-0,3	0,0	-100%	-0,5	-1,8	243,3%
Chi phí lãi vay	-0,3	0,0	-100%	-0,5	-1,8	243,3%
Lợi nhuận từ HĐKD	104,3	92,5	-11,3%	188,0	174,0	-7,4%
Lợi nhuận trước thuế	104,8	92,5	-11,7%	188,5	174,0	-7,7%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	104,8	92,5	-11,7%	188,5	174,0	-7,7%
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	32,6%	37,1%		37,7%	31,7%	

Nguồn: SLS, ABS Research

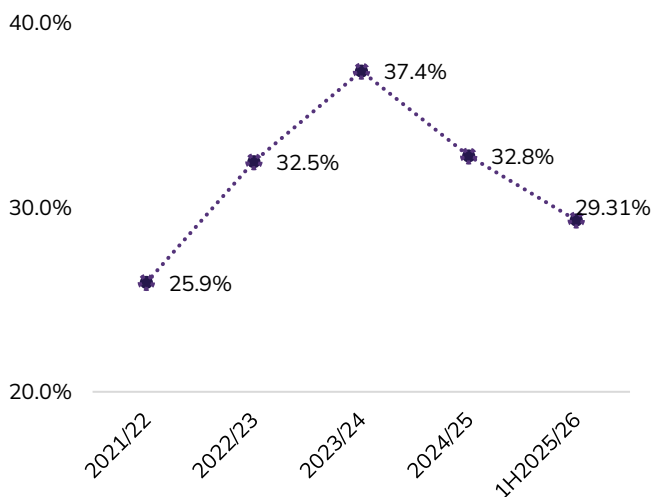
Doanh thu thuần và LNST của SLS giai đoạn 2021-2026
(tỷ đồng)



Sản lượng mủ (nghìn tấn)



Biên lợi nhuận gộp (%)



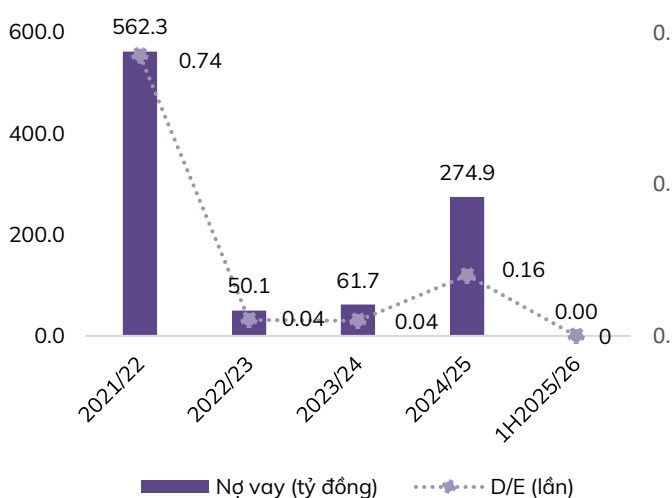
Giá đường thế giới



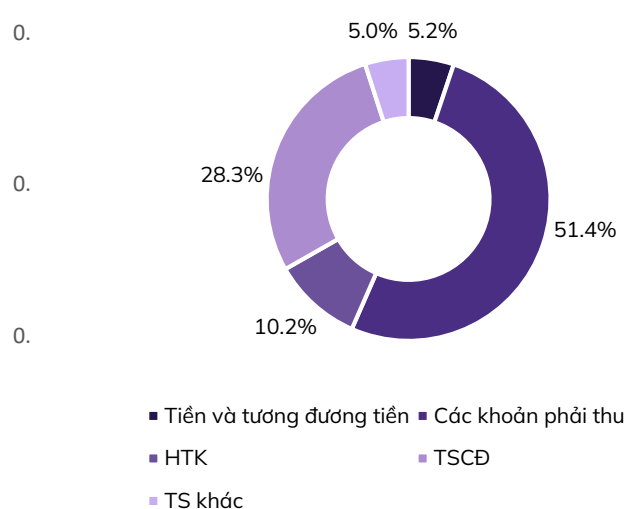
Nguồn: SLS, tradingeconomics.com, ABS Research

- Tình hình tài chính nhìn chung vẫn an toàn, tuy nhiên doanh nghiệp có khả năng bị động về dòng tiền nếu tình hình kinh doanh chuyển biến kém do duy trì lượng tiền mặt thấp và phải thu nội bộ cao.
- ✓ **Tiền và tiền gửi ngắn hạn tăng mạnh nhưng chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu tài sản.** Lượng tiền và tiền gửi ngân hàng cuối Q2 niên vụ 2025/26 ở mức 93 tỷ đồng (+2.784% sv đầu niên vụ), chiếm 5,2% TTS. Lượng tiền ở mức thấp dù nửa đầu năm KQKD mang về tiền ròng 529 tỷ do SLS đã tất toán hết toàn bộ nợ vay đồng thời chi trả cổ tức ở mức 15.000 đồng/cp vào tháng 10/2025. SLS thường xuyên chi trả cổ tức bằng tiền hàng năm ở mức cao. Niên vụ 2023/24 SLS chi trả cổ tức 200%, tương đương 20.000 đồng/cp, niên vụ 2022/23 mức cổ tức là 150%, niên vụ 2021/22 là 100%. SLS thường xuyên duy trì lượng tiền ở mức thấp, trả bớt nợ vay khi dòng tiền KQKD dương và vay ngắn hạn theo mùa vụ khi cần bù vốn lưu động. Trong bối cảnh không có nhiều dư địa mở rộng vùng nguyên liệu, việc không tái đầu tư mạnh và ưu tiên chi trả cổ tức cao là hợp lý. Tuy nhiên, điều này sẽ khiến SLS bị động khi tình hình kinh doanh kém và phụ thuộc tín dụng, đồng thời phản ánh việc quản lý tiền có vấn đề khi các khoản phải thu nội bộ bị đẩy lên rất cao.
- ✓ **Các khoản phải thu giảm nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn.** Giá trị các khoản phải thu cuối Q2 niên vụ 2025/26 ở mức 922 tỷ đồng (-10,6% sv đầu niên vụ), chiếm 51,4% TTS. Trong đó, phải thu khách hàng giảm 17,8% sv đầu niên vụ xuống còn 747 tỷ đồng, phần lớn là của các bên liên quan với trị giá 558,1 tỷ đồng (-20,4% sv đầu niên vụ). Dự phòng phải thu khó đòi ghi nhận 11,5 tỷ đồng, tương đương đầu niên vụ. Niên vụ 2024/25, số ngày phải thu của SLS tăng cao đột biến lên đến 227 ngày do khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan tăng gấp 2,2 lần lên 701,5 tỷ đồng. Việc gia tăng khoản phải thu từ các bên liên quan về bản chất là chuyển tiền ra ngoài dưới dạng tín dụng nội bộ khiến SLS bị suy yếu chất lượng dòng tiền và tăng rủi ro nợ xấu nếu các bên liên quan mất khả năng chi trả.
- ✓ **Hàng tồn kho giảm mạnh.** Giá trị HTK cuối Q2 ở mức 183 tỷ đồng (-65,9% sv đầu niên vụ), chiếm 10,2% TTS. Trong đó, giá trị thành phẩm ở mức 34,7 tỷ đồng (-91,5% sv đầu niên vụ); nguyên vật liệu tăng nhẹ 7,4% sv đầu niên vụ lên 136,5 tỷ đồng. Mức tồn kho thấp theo chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp khi mùa vụ mía ép chính diễn ra vào Q3 và đầu Q4 mỗi niên vụ.
- ✓ **SLS không có dư nợ vay vào cuối Q2.** SLS đã thanh toán toàn bộ dư nợ 275 tỷ đồng trong nửa đầu niên vụ, đưa tổng dư nợ vay về 0.

Nợ vay và tỷ lệ D/E của SLS



Cơ cấu tài sản của SLS cuối Q2 niên độ 2025/26



Nguồn: SLS, ABS Research

Triển vọng và rủi ro

- Chúng tôi cho rằng triển vọng của SLS trong thời gian tới là khả quan nhờ các yếu tố sau:
 - ✓ **Giá đường phục hồi.** Mặc dù giá đường đã xuống gần mức đáy 4 năm trong nửa đầu niên vụ 2025/26, SLS vẫn giữ được KQKD không tụt quá sâu do những lợi thế nhất định về vùng nguyên liệu giá rẻ, tỷ lệ thu đường từ mía cao đồng thời sản phẩm chủ lực là đường mía có biên lợi nhuận tốt hơn nhiều so với đường sản xuất từ đường thô. Với việc hiện nay giá đường thế giới quay đầu tăng mạnh lên mức 347USD/tấn do những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông (+11,7% so với trước xung đột), sức ép về giá đối với các sản phẩm đường đã giảm đáng kể, chúng tôi cho rằng SLS hoàn toàn có khả năng kết thúc niên vụ 2025/2026 ở mức tăng trưởng nhẹ so với niên vụ 2024/25. Đối với niên vụ 2026/27: các chuyên gia dự báo niên vụ 2026/27 sẽ thiếu hụt 1,5 triệu tấn đường do sản lượng mía ép đường có xu hướng giảm để chuyển sang sản xuất nhiên liệu sinh học ethanol. Những lo ngại về giá và nguồn cung đầu sau khi cuộc chiến tại Trung Đông nổ ra đã khuyến khích việc sản xuất ethanol từ mía đường. Chúng tôi cho rằng đây là yếu tố hỗ trợ giá đường neo cao trong niên vụ 2026/27.
 - ✓ **Chính phủ nỗ lực kiểm soát đường nhập lậu.** Trước thực trạng mía đường nhập lậu gây sức ép lên ngành mía đường trong nước, ngày 25/8/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan khẩn trương kiểm tra, đánh giá tình hình sản xuất, tiêu thụ, tồn kho đường trong nước, tác động của đường nhập lậu, đề xuất các giải pháp kiểm soát hiệu quả tình trạng đường nhập lậu, ổn định thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp ngành mía đường duy trì sản xuất bền vững. Đồng thời, Bộ Công Thương thông qua văn bản số 6463/BCT-XXNK ngày 27/8/2025 gửi UBND các tỉnh, thành phố; Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phối hợp triển khai các biện pháp quản lý nhằm ngăn chặn tình trạng nhập lậu đường. Những nỗ lực của chính phủ trong việc kiểm soát đường lậu kỳ vọng sẽ hỗ trợ ngành mía đường trong nước trong việc kiểm soát nguồn cung và giá cả.
 - ✓ **Triển vọng bán điện sinh khối.** Tháng 7/2025, SLS đã được ký thỏa thuận đấu nối điện về trụ, hiện đang xúc tiến các thủ tục để được cấp phép hoạt động điện lực. Sau khi có giấy phép này công ty sẽ ký hợp đồng mua bán điện để bán 1,5MW cho dự án 9MW.
 - ✓ **Tuy nhiên tình hình thời tiết nắng nóng khô hạn có khả năng ảnh hưởng đến năng suất mía niên độ 2026/27.** Các tổ chức khí tượng quốc tế dự báo, nhiều khả năng El Nino sẽ phát triển vào cuối tháng 3 - đầu tháng 4 năm 2026, và khoảng tháng 8-9/2026 El Nino sẽ được củng cố. Việc El Nino đến sớm có khả năng sẽ gây nắng nóng kéo dài, lượng mưa giảm, dẫn đến khô hạn làm ảnh hưởng đến năng suất mía và sản lượng nguyên liệu đưa vào chế biến.
- Mùa ép mía chính ngành mía đường rơi vào quý 3 và đầu quý 4 của niên vụ, KQKD của hai quý này có xu hướng tốt hơn hai quý đầu niên vụ. Chúng tôi dự phóng DTT và LNST của SLS 2025/2026F ở mức 1.206 tỷ đồng (+3,9% svck) và 381,6 tỷ đồng (+2% svck). EPS và BVPS 2026F dự kiến đạt 38.973 đ/cp và 183.514 đ/cp, tương ứng P/E và P/B đạt lần lượt 4,1x và 0,9x tại mức giá hiện tại. ROE dự kiến đạt 21,7%.
- Niên vụ 2026/2027F, chúng tôi dự phóng DTT và LNST của SLS ở mức 1.320 tỷ đồng (+9,4% svck) và 403 tỷ đồng (+5,5% svck). EPS và BVPS dự kiến đạt 41.123 đ/cp và 204.637 đ/cp, tương ứng P/E và P/B đạt lần lượt 3,9x và 0,8x tại mức giá hiện tại. ROE dự kiến đạt 21,2%.

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA SLS

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	21/22	22/23	23/24	24/25
Doanh thu thuần	869	1.716	1.412	1.161
Giá vốn hàng bán	(644)	(1.158)	(884)	(780)
Lợi nhuận gộp	225	557	528	381
Doanh thu tài chính	14	20	32	38
Chi phí tài chính	(31)	(21)	(3)	(4)
Chi phí bán hàng	(3)	(5)	(3)	(3)
Chi phí QLDN	(19)	(29)	(22)	(31)
Lợi nhuận từ HKKD	187	522	532	381
Lãi/lỗ khác	2	1,2	0,0	0,8
Lợi nhuận trước thuế	188	523	532	381
Lợi nhuận sau thuế	188	523	526	374
LNST cổ đông Công ty mẹ	188	523	526	374

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	21/22	22/23	23/24	24/25
LCT thuần từ HKKD	(37)	769	39	(9)
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(20)	(31)	(19)	(24)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	59	(610)	(135)	17
LCT thuần trong kỳ	2	128	(116)	(15)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4	7	134	19
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	7	134	19	3

Chỉ số tài chính	21/22	22/23	23/24	24/25
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,37	4,98	8,00	4,35
Khả năng thanh toán nhanh	0,55	2,91	4,94	2,91
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,01	1,03	0,13	0,01
Khả năng thanh toán lãi vay	7,22	25,52	194,70	101,47
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,55	0,88	0,92	0,83
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,45	0,12	0,08	0,17
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,74	0,04	0,04	0,16

Chỉ số hiệu suất hoạt động	21/22	22/23	23/24	24/25
Số ngày phải thu	61,29	28,38	89,40	227,67
Số ngày phải trả	28,98	13,40	18,95	20,75
Số ngày tồn kho	205,21	126,15	157,63	227,17
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	25,9%	32,5%	37,4%	32,8%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	21,5%	30,4%	37,7%	32,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	21,6%	30,5%	37,3%	32,2%
ROE	26,5%	53,9%	38,5%	22,8%
ROA	14,6%	38,4%	34,7%	19,8%
ROIC	15,6%	41,0%	37,0%	20,7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	21/22	22/23	23/24	24/25
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	7	134	19	3
+ Đầu tư ngắn hạn	0	27	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	304	295	678	1.032
+ Hàng tồn kho	468	325	431	512
+ Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn	779	781	1.127	1.547
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	559	544	550	516
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	30	5	7	9
+ Đầu tư dài hạn	12	12	12	12
+ Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	600	561	569	537
Tổng Tài sản	1.380	1.342	1.696	2.083
+ Vay ngắn hạn	512	46	62	275
+ Phải trả người bán	36	49	43	46
+ Nợ ngắn hạn khác	21	63	36	36
Nợ ngắn hạn	569	157	141	356
+ Vay dài hạn	50	5	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
Nợ dài hạn	50	5	0	0
Tổng nợ phải trả	619	161	141	356
+ Vốn cổ phần	98	98	98	98
+ Thặng dư vốn cổ phần	4	4	4	4
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	606	1.025	1.398	1.522
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	760	1.181	1.555	1.728
Tổng cộng nguồn vốn	1.380	1.342	1.696	2.083

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	21/22	22/23	23/24	24/25
Tăng trưởng doanh thu	8,5%	97,5%	-17,7%	-17,8%
Tăng trưởng LNST	14,6%	178,9%	1,7%	-28,4%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	14,6%	178,8%	0,6%	-28,9%
Tăng trưởng EPS	14,6%	178,8%	0,6%	-28,9%
Tăng trưởng VCSH	15,7%	55,3%	31,7%	11,1%
Tăng trưởng Tổng tài sản	15,6%	-2,7%	26,4%	22,9%

Định giá (lần)	21/22	22/23	23/24	24/25
P/E	6,73	5,64	3,27	4,36
P/B	1,66	2,13	1,11	0,95
EV/EBITDA	7,11	5,41	3,15	4,81
EV/Sales	2,09	1,65	1,25	1,64
EPS (đồng/cp)	19.163	53.423	53.754	38.216
BVPS (đồng/cp)	77.623	120.573	158.779	176.422

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyensexuan@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn



TRỢN VẬN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

Tra hạp
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây